

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **417/2022/HC-PT**

Ngày: 17/9/2022

*Khiếu kiện QĐ xử lý vi phạm hành chính  
trong lĩnh vực bảo vệ công trình thủy lợi*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Hà;

*Các thẩm phán*

Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Bùi Xuân Trọng.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Nhật Phong – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 247/2021/TLPT-HC ngày 08 tháng 7 năm 2021, về việc “*Khiếu kiện Quyết định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ công trình thủy lợi*”. Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 88/2020/HC-ST ngày 30/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H1.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8378/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* *Người khởi kiện:*** Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1945; HKTT: Thôn S, xã T, huyện X, thành phố H1. Nơi tạm trú: Khu C, xã T, huyện X, thành phố H1. Có mặt.

***Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:*** Luật sư Nguyễn Văn N và luật sư Ngô Thành B - Công ty Luật TNHH NTCL thuộc Đoàn luật sư thành phố H1. Có mặt luật sư B, vắng mặt luật sư N.

**\* *Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, thành phố H1;

***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông Nguyễn Mạnh H – Phó Chủ tịch; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện X;

3. Ủy ban nhân dân xã T, huyện X.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Văn K - Chủ tịch; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Công ty TNHH MTV đầu tư phát triển thủy lợi SN; Địa chỉ: Tầng 4-5 Tòa nhà NHX1, Khu đô thị X1, quận Đ1, thành phố H1.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Ngô Thanh S1 – Phó Tổng Giám đốc; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1958; HKTT: Thôn S, xã T, huyện X, thành phố H1. Nơi tạm trú: Khu C, xã T, huyện X, thành phố H1. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nội dung vụ án như sau:*

Năm 1989, Đảng ủy – Ủy ban nhân dân – Hợp tác xã nông nghiệp T quy hoạch chợ phía Đông trục đường liên xã T – L nên có cho một số hộ dân mượn đất để mở đường phía Tây trục đường xã để làm lều quán tạm bán hàng với chiều ngang 4m, không được đắp đất, bắc sàn đưa ra sông. Qua quá trình phát triển, mở rộng đường, kéo theo sự xuống cấp của các lều quán nên các hộ dân đã đổ cột bê tông xuống lòng đường rồi xây dựng công trình kiên cố và bán kiên cố trên đường, hình thành khu C xã với hơn 50 hộ dân trong đó có hộ ông Đỗ Văn Đ; tổ trưởng an ninh khu C xã năm 2003 là ông Trần Văn T1.

Thực hiện chỉ đạo của UBND huyện X, ngày 16/6/2015 UBND xã T đã lập biên bản đối với các hộ có nhà, công trình trên tuyến đường 429, đường giao thông liên xã, hệ thống tưới tiêu có liên quan thuộc phạm vi đất công do Nhà nước quản lý, trong đó có hộ ông Đỗ Văn K1 (con trai ông Đỗ Văn Đ) với hiện trạng 02 công trình tường xây gạch chỉ, công trình 1 không tường, mái lợp tôn, diện tích 2,4mx10,8m, cao 2,5m; công trình 2 tường xây gạch chỉ, mái lợp proximang, diện tích 49,28m<sup>2</sup> (6,6mx10,5m), cao 2,5m. Biên bản có chữ ký của ông Đỗ Văn Đ.

Ngày 21/4/2016, UBND xã T có Báo cáo số 23/BC-UBND về công tác xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai và trật tự xây dựng giai đoạn từ trước năm 2014, giai đoạn 2014-2015, giai đoạn 3 tháng đầu năm 2016 đến nay trên địa bàn xã có *Bảng tổng hợp các trường hợp vi phạm trong sử dụng đất không đúng quy định hiện nay còn tồn tại trên địa bàn* kèm theo trong đó có *Vi phạm trên lòng kênh đường* gồm 55 trường hợp trong đó công trình của ông Đỗ Văn Đ do con trai Đỗ Văn K1 đứng tên (số thứ tự 14 trong danh sách) ở Thôn S đã vi phạm đất công (hành lang đê, đường giao thông) từ năm 1989 với diện tích

75m<sup>2</sup> nhà bán kiên cố trên lòng mương, đã lập biên bản vi phạm nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ xử lý, thuộc thẩm quyền xử lý của UBND huyện.

Ngày 06/5/2016, huyện ủy X có Thông báo số 105/TB/HU về kết luận của Thường trực huyện ủy về chỉ đạo xử lý dứt điểm vi phạm trong lĩnh vực đất đai và trật tự xây dựng trên địa bàn xã T trong đó có nội dung: Đối với 55 trường hợp vi phạm công trình thủy lợi (xây nhà, lều quán kinh doanh trên mương thủy lợi giáp đường liên xã T – L), Đảng ủy, UBND xã xây dựng kế hoạch giải tỏa xong trước ngày 15/6/2016, tổ chức giải tỏa xong trước ngày 30/9/2016 để mở rộng đường và đảm bảo tiêu thoát nước trong mùa mưa bão.

Ngày 07/3/2017, UBND xã T có Báo cáo số 09/BC-UBND tổng hợp kết quả xử lý vi phạm đất đai trên địa bàn xã theo Thông báo số 105, đối với các trường hợp vi phạm trên lòng mương, UBND xã T đã tiến hành rà soát, lập danh sách các hộ, đề nghị các hộ cung cấp các loại giấy tờ có liên quan đến việc sử dụng và xây dựng công trình trên lòng mương đường trục xã. Sau khi kiểm tra, rà soát thì có 52 trường hợp vi phạm, có danh sách kèm theo, trong đó ông Đỗ Văn Đ, số thứ tự 26, với 02 công trình: Dựng cột bê tông cốt thép dưới lòng mương, sàn đổ bê tông, tường xây gạch chỉ, trần nhà đổ bê tông mặt trần và lợp tôn, diện tích 51,6m<sup>2</sup>, cao trung bình 3,8m; dựng khung sắt thép, tường bao thung tôn, mái lợp tôn, diện tích 26m<sup>2</sup>, cao trung bình 5,2m.

Sau khi UBND xã T thông báo niêm yết tại các thôn và loa truyền thanh của xã yêu cầu các hộ kinh doanh trên lòng mương xã T tự tháo dỡ, giải tỏa công trình xây dựng thì ngày 16/4/2017, ông Trần Văn T1 đại diện cho các hộ kinh doanh trên lòng mương đường trục xã T trong đó có ông Đỗ Văn Đ có đơn kiến nghị lên các cấp có thẩm quyền liên quan đến việc kinh doanh trên lòng mương.

Ngày 25/4/2017, UBND xã T lập Biên bản làm việc xác minh chủ sử dụng công trình xây dựng trên mương thủy lợi trục đường liên xã L – T (Kênh tiêu trạm bơm xã T) ông Đỗ Văn Đ không có giấy tờ gì về việc sử dụng đất.

Ngày 05/6/2017, UBND xã T ban hành Thông báo số 97/TB-UBND về việc trả lời đơn của ông Trần Văn T1 đại diện cho các hộ có công trình xây dựng trên lòng mương với nội dung: Việc các hộ đề nghị ngừng tháo dỡ công trình là không phù hợp; UBND xã chỉ cho một số hộ mượn đất, không bán, không cho thuê, không cho thầu nên không thuộc diện đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật; UBND xã không đủ nguồn ngân sách để hỗ trợ nên sẽ đề nghị cấp trên xem xét; UBND xã đã quy hoạch xây dựng chợ Trung tâm tại khu CS thuộc thôn V và quy hoạch khu đấu giá quyền sử dụng đất nên các hộ có nhu cầu thì đăng ký.

Ngày 15/6/2017, ông Trần Văn T1 đại diện cho các hộ dân có công trình trên mương trong đó có ông Đỗ Văn Đ khiếu nại Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã T. Ngày 08/7/2017, Chủ tịch UBND xã T ban

hành Quyết định số 72/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 1 với nội dung giữ nguyên Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã T.

Ông Trần Văn T1 đại diện cho các hộ dân có công trình trên nương trong đó có ông Đỗ Văn Đ tiếp tục khiếu nại. Ngày 08/02/2018, Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định số 275/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2, giữ nguyên Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch UBND xã T.

Ngày 27/6/2017, UBND xã T đã bàn giao tuyến kênh nằm dọc trục đường liên xã L - T cho Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển thủy lợi SN quản lý, vận hành theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND thành phố H1. Tại thời điểm tiếp nhận tuyến kênh đã có các công trình xây dựng trên kênh và trong phạm vi bảo vệ tuyến kênh nằm dọc trục đường liên xã L - T. Năm 2018, Công ty đã duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán kinh phí và tổ chức thi công nạo vét, sửa chữa tuyến kênh, tuy nhiên do các công trình xây dựng vi phạm trước đây trên kênh chưa được giải tỏa, nên không thể thi công được toàn bộ chiều dài tuyến kênh theo hồ sơ thiết kế đã duyệt.

Ngày 20/6/2017, UBND xã T lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông Đỗ Văn Đ đã có hành vi xây dựng công trình nhà ở trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với tổng diện tích 74,5m<sup>2</sup>, hiện trạng dựng 12 cột bê tông cốt thép tại lòng nương, mặt sàn tầng 1 và tầng 2 đổ bê tông cốt thép, tường tầng 1 xây gạch chỉ, tường tầng 2 xây gạch chỉ + quây tôn, mái lợp tôn, công trình cao khoảng 7,2m tính từ mặt sàn tầng 1, cách tim đường 5,25m, thời điểm vi phạm 1993. Ông Đỗ Văn Đ có mặt nhưng không ký biên bản.

Năm 2018, UBND xã T lập hồ sơ kỹ thuật hiện trạng vi phạm của 52 công trình, trong đó công trình của ông Đỗ Văn Đ tại thửa số 33 với diện tích 68,3m<sup>2</sup> dài hơn 08m. Do hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên ngày 13/8/2018, Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định số 1913/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc ông Đỗ Văn Đ tháo dỡ công trình xây dựng trái phép ra khỏi vị trí vi phạm, khôi phục tình trạng ban đầu.

**Yêu cầu của người khởi kiện:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2018, ông Đỗ Văn Đ yêu cầu hủy Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã T, hủy Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch UBND xã T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, hủy Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại lần 2; hủy Quyết định số 1913/QĐ-KPHQ ngày 13/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện X về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; buộc UBND huyện X, Chủ tịch UBND huyện X phải công khai xin lỗi và bồi thường danh dự với các lý do: Ông và các hộ dân không tự động ra đây làm nhà lập phố mà là do UBND vận động nhân dân lập phố bán hàng phát triển kinh tế gia đình và tạo nguồn thu ngân sách cho địa phương. Ông và các hộ đều làm đơn, đăng ký và được UBND xã chia cho từng hộ, không có việc ông và các hộ lấn chiếm đất

như các quyết định hành chính đã nêu. Ông và các hộ sử dụng ổn định làm nơi kinh doanh, sinh sống từ năm 1989 cho đến nay mà không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

### **Quan điểm của UBND xã T và Chủ tịch UBND xã T:**

Thực hiện Thông báo số 105/TB/HU ngày 06/5/2016 của huyện ủy X, qua kiểm tra, rà soát bản đồ các năm 1982, 1995 UBND xã T xác định 51 hộ dân trong đó có hộ ông Đỗ Văn Đ đã xây dựng công trình nhà ở trong lòng mương thủy lợi trực đường liên xã L – T (kênh tiêu trạm bơm T), vi phạm quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 (nay là điểm b khoản 5 Điều 17 Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017) nên đã ban hành Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017.

Từ khi tiếp nhận đơn khiếu nại cho đến khi ban hành Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch UBND xã T đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thời hạn và thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại. Việc ông Đỗ Văn Đ cho rằng UBND xã T không thành lập Hội đồng tư vấn, không tổ chức đối thoại là vi phạm Thông tư 07/2013/TT-TTCT nhưng Điều 20, Điều 21 Thông tư 07/2013/TT-TTCT thì việc thành lập Hội đồng tư vấn là không bắt buộc. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Văn Đ.

### **Quan điểm của Chủ tịch UBND huyện X:**

Việc UBND xã T và Chủ tịch UBND xã T ban hành Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 và Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 là đúng quy định của pháp luật nên Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 có nội dung giữ nguyên Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 là đúng.

Hành vi xây dựng công trình nhà ở trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của ông Đỗ Văn Đ vi phạm quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định 39/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 nay quy định tại điểm d khoản 5 Điều 17 Nghị định 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều. Ngày 20/6/2017, UBND xã T lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đối với ông Đỗ Văn Đ đúng mẫu, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định 81/2013/NĐ-CP, Nghị định 97/2017/NĐ-CP. Do hành vi vi phạm của ông Đỗ Văn Đ đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 28 và Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 nên ngày 13/8/2018, Chủ tịch UBND huyện X đã ban hành Quyết định số 1913/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Đỗ Văn Đ là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều 17, Khoản 2 Điều 26 Nghị định 104/2017/NĐ-CP.

Ngày 28/6/2019, Thanh tra Thành phố đã ban hành Kết luận số

2990/KL-TTTP-P2 về việc thanh tra toàn diện công tác quản lý, sử dụng đất, vi phạm trật tự xây dựng, vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tại khu vực trục đường liên xã T - L nên việc UBND xã T, UBND huyện X xác định và xử lý hành vi vi phạm hành chính nêu trên là phù hợp. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

**Quan điểm của Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển thủy lợi SN:**

Kênh nằm dọc trục đường liên xã L - T, huyện X là kênh tiêu chung (kênh cấp 2) của hai Trạm bơm T và X2, tổng chiều dài tuyến kênh là 2.760m, chiều sâu trung bình 2m, chiều rộng mặt kênh 10m, khoảng cách giữa hai đỉnh bờ kênh 14m. UBND xã T thực hiện đầu tư xây dựng Trạm bơm T năm 1974 và X2 năm 1996. Năm 1974, Công ty chỉ tiếp nhận quản lý, vận hành Trạm bơm T, còn tuyến kênh không được bàn giao. Ngày 27/6/2017, Công ty tiếp nhận quản lý, vận hành Trạm bơm X2 và tuyến kênh nằm dọc trục đường liên xã L - T theo quy định của UBND Thành phố H1 tại Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố H1.

Tại thời điểm Công ty tiếp nhận Trạm bơm và tuyến kênh đã có các vi phạm công trình trong phạm vi bảo vệ tuyến kênh. Như vậy, các công trình xây dựng trên kênh và trong phạm vi bảo vệ tuyến kênh đã có trước khi Công ty tiếp nhận bàn giao để quản lý, vận hành.

Từ khi tiếp nhận tuyến kênh nằm dọc trục đường liên xã L - T, hàng năm Công ty đều tổ chức thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng công trình; phát quang, dọn vệ sinh trong lòng và mái kênh theo quy định, đảm bảo dẫn nước tưới tiêu. Năm 2018, Công ty đã duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán kinh phí và tổ chức thi công nạo vét, sửa chữa tuyến kênh. Tuy nhiên, do các công trình xây dựng vi phạm trước đây trên kênh chưa được giải tỏa nên không thể thi công được toàn bộ chiều dài tuyến kênh theo hồ sơ thiết kế đã duyệt. Năm 2019, Công ty vẫn tổ chức thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng công trình theo quy định, đảm bảo dẫn nước tưới tiêu.

Tháng 4/2017, Công ty đã cử cán bộ tham gia vào Tổ công tác của UBND huyện X, thực hiện công tác lập hồ sơ xử lý các trường hợp vi phạm xây dựng công trình, trong phạm vi tuyến kênh nằm dọc trục đường liên xã L - T. Ngày 20/4/2018, Xí nghiệp Thủy lợi X thuộc Công ty đã có văn bản số 40/2018/BC-TLPX gửi UBND huyện X và UBND xã T về việc vi phạm Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên kênh tiêu Trạm bơm T. Tháng 01/2019, Công ty đã làm việc với Đoàn Thanh tra Thành phố H1 về các vấn đề liên quan đến việc quản lý, đầu tư khai thác sử dụng kênh tiêu Trạm bơm T, xã L, huyện X. Các công trình xây dựng trên kênh và trong phạm vi bảo vệ tuyến kênh nằm dọc trục đường liên xã L - T là vi phạm các quy định về bảo vệ công trình thủy lợi, làm ảnh hưởng đến việc dẫn nước của kênh, do đó cần phải xử lý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đỗ Văn Đ rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND huyện X, Chủ tịch UBND huyện X phải công khai xin lỗi và bồi thường danh dự, thiệt hại về tài sản.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 88/2020/HC-ST ngày 30/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H1 đã quyết định:***

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai 1987; Luật Đất đai 2013; Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012; Pháp lệnh về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi năm 2001; Nghị định 141-CP ngày 26/9/1963 của Hội đồng Chính phủ; Nghị định 112-HĐBT ngày 25/8/1984 của Hội đồng Bộ trưởng; Nghị định 30-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng bộ trưởng; Nghị định 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính phủ; Nghị định 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; Thông tư 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Tổng Thanh tra Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ đối với các quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại sau đây:

- Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã T về việc trả lời đơn.

- Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch UBND xã T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại lần 2

- Quyết định số 1913/QĐ-KPHQ ngày 13/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện X về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Đỗ Văn Đ về việc buộc UBND huyện X, Chủ tịch UBND huyện X phải công khai xin lỗi, bồi thường danh dự và thiệt hại về tài sản do rút yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, người khởi kiện ông Đỗ Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đỗ Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo và có ý kiến cho rằng: việc các hộ dân xây dựng công trình trên đê mương là có sự đồng ý, ủng hộ của UBND xã T. Các công trình đã tồn tại nhiều năm và phía UBND huyện X đều biết nhưng không có ý kiến gì, đề nghị HĐXX hủy Bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đỗ Văn Đ trình bày luận cứ: Việc các hộ dân ra đây làm nhà ở là theo chủ trương của UBND xã, UBND xã là chủ đầu tư, chủ quản lý ruộng này đến năm 2017. Người bị kiện không đưa ra được biên bản vi phạm hay sự cố công trình ruộng từ khi các hộ dân ra đây ở. Tại thời điểm năm 1989 không có văn bản quy phạm pháp luật về vi phạm ruộng thủy lợi, Nghị định 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 đã bị thay thế bởi Nghị định 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 nên việc người bị kiện áp dụng Nghị định 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 là áp dụng văn bản hết hiệu lực, Điều 48 Luật Thủy lợi có hiệu lực trước khi người bị kiện ban hành các quyết định buộc khắc phục hậu quả. Ngoài ra, Công ty SN không chứng minh được có sự thiệt hại hoặc ảnh hưởng đến dòng chảy của ruộng. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Đỗ Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Đỗ Văn Đ là một trong 51 hộ dân có đơn khởi kiện, với người đại diện cho cả 51 hộ dân này là ông Trần Văn T1. Đơn khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ đề ngày 15/8/2018 gửi bưu điện ngày 18/8/2018 đối với Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã T về việc trả lời đơn đề nghị của ông Trần Văn T1, Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch UBND xã T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại lần 2, Quyết định số 1913/QĐ-KPHQ ngày 13/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện X về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đỗ Văn Đ và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đ có ý kiến cho rằng ông Đ không ủy quyền cho ông Trần Văn T1 khiếu nại do đó UBND xã T, Chủ tịch UBND huyện X chỉ giải quyết khiếu nại của một mình ông T1 là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Hội đồng xét xử thấy, căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án,



ông Đ đều xác định ông không đồng ý với Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của UBND xã T, ngày 10/02/2018 ông Trần Văn T1 (người đại diện cho các hộ dân có đơn khiếu nại), ông Đ cũng đã nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 275/QĐ-UBND của UBND huyện X.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Đ khẳng định tất cả các hộ dân đều biết và khiếu nại Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của UBND xã T. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H1 thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính và xác định về đối tượng khởi kiện, về thời hiệu khởi kiện, Quyết định hành chính bị khởi kiện, Quyết định hành chính liên quan, về tư cách đương sự đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật Tổ tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

**[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:**

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện. Theo đó, Bản án sơ thẩm đã xem xét, xác định các quyết định hành chính được ban hành đúng trình tự và thủ tục.

### **Về nội dung:**

[2.1] Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã T thể hiện:

[2.1.1] Tuyến đường liên xã T - L và mương thủy lợi dọc trục đường giao thông liên xã T - L, huyện X (kênh tiêu trạm bơm T) trước đây do UBND xã T quản lý đồng bộ. Năm 2009, tuyến đường được nâng cấp cải tạo (do UBND huyện X làm chủ đầu tư) sau khi dự án hoàn thành, UBND huyện X trực tiếp quản lý. Đối với mương thủy lợi dọc đường giao thông liên xã T - L (kênh tiêu trạm bơm T), UBND xã T vẫn tiếp tục quản lý đến tháng 5/2017. Tháng 6/2017, Công ty TNHH MTV đầu tư thủy lợi và phát triển SN tiếp nhận quản lý, khai thác, sử dụng.

Điều 18 Nghị định 141-CP ngày 26/9/1963 của Hội đồng Chính phủ về việc ban hành điều lệ quản lý khai thác và bảo vệ các công trình thủy nông đã quy định cấm đắp bờ trên bờ kênh, cấm bắc cầu qua kênh, nếu không được phép của Hội đồng quản trị nông giang đối với các hệ thống liên tỉnh và Ủy ban hành chính tỉnh hoặc thường trực Trung ương đối với các hệ thống nằm trong một tỉnh; cấm xây dựng nhà cửa trong phạm vi 30m cách chân các kênh nổi và 10m cách chân các kênh chìm. Do đó, việc UBND xã T cho phép người dân sử dụng dè đường, sạt kênh mương, được hay không được bắc sà qua kênh/mương thủy lợi để làm lều/quán thì đều là vi phạm pháp luật về quản lý khai thác và bảo vệ các công trình thủy nông, thủy lợi. Việc ông Đỗ Văn Đ và luật sư cho rằng tại

thời điểm năm 1989 không có văn bản quy phạm pháp luật về vi phạm nương thủy lợi là không đúng.

Việc từ năm 1989, người dân ra dẽ đường làm lều quán và bắc sà qua nương để kinh doanh là theo chủ trương của UBND xã T nhưng UBND xã chỉ đồng ý cho làm quán bán hàng bằng vật liệu tre, nứa, không được xây dựng kiên cố trên lòng đường, lòng nương và không xây dựng nhà ở (Đơn xin đất để kinh doanh chữa xe đạp ngày 08/01/1991 của ông Nguyễn Văn Q, Đơn xin đất mở quán dịch vụ thú y ngày 09/10/1992 của ông Nguyễn Trọng H1, Báo cáo giải trình ngày 21/11/2018 của ông Đinh Ngọc C1 - Nguyên Chủ tịch UBND xã T thời kỳ 1989 - 1994). Việc người dân nói chung, ông Đỗ Văn Đ nói riêng đổ cột bê tông xuống lòng nương để làm nhà ở kiên cố là không đúng chủ trương của UBND xã. Mặt khác, theo khoản 4 Điều 13 Luật Đất đai 1987 và Điều 8 Nghị định 30-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng bộ trưởng, việc giao đất cho hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND huyện. Do đó, việc UBND xã T/Chủ tịch UBND xã T thời kỳ 1989 cho các hộ gia đình, cá nhân mượn đất dẽ/ven đường để dựng lều/quán kinh doanh và đồng ý cho bắc sà qua sông/nương làm lều quán là trái thẩm quyền, vi phạm pháp luật về đất đai và pháp luật về bảo vệ công trình thủy lợi.

Trong quá trình quản lý nhà nước đối với đất giao thông (đường liên xã T - L) và đất nương thủy lợi dọc trục đường T - L (kênh tiêu trạm bơm T), tại vị trí phía bên phải đường, hướng đi từ đường tỉnh lộ 429 đến xã T (tiếp giáp với nương thủy lợi) UBND xã T đã buông lỏng quản lý trong một thời gian dài từ năm 1989 đến năm 2015 để các hộ lấn, chiếm đất xây dựng công trình trái phép trên công trình thủy lợi và hành lang bảo vệ an toàn đường giao thông. Để xảy ra các tồn tại nêu trên là trách nhiệm của các cá nhân có liên quan đến các tồn tại sai phạm từ thời điểm 1989-2015 nên tại Kết luận số 2990/KL-TTTP-P2 ngày 28/6/2019 của Thanh tra thành phố H1 đã kiến nghị xem xét trách nhiệm và có hình thức xử lý kỷ luật đối với các cá nhân có liên quan đến các tồn tại sai phạm nêu trên.

[2.1.2] Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã T là văn bản trả lời đơn kiến nghị của ông Trần Văn T1 gửi đến UBND xã T ngày 27/4/2017 kiến nghị tới chính quyền về việc thông báo niêm yết tại các thôn và loa truyền thanh của xã yêu cầu các hộ kinh doanh trên lòng nương xã T tự tháo dỡ, giải tỏa. Thông báo số 97/TB-UBND được UBND xã T ban hành sau khi có buổi làm việc ngày 05/5/2017 về việc chốt nội dung đơn kiến nghị của ông T1 và trên cơ sở của các văn bản:

- Thông báo số 105/TB/HU ngày 06/5/2016 của huyện ủy X yêu cầu Đảng ủy, UBND xã T xây dựng kế hoạch giải tỏa và tổ chức giải tỏa xong trước ngày 30/9/2016 để mở rộng đường và đảm bảo tiêu thoát nước trong mùa mưa bão đối với 55 trường hợp vi phạm công trình thủy lợi (xây nhà, lều quán kinh doanh trên nương thủy lợi giáp đường liên xã T - L). Trong thông báo này,

huyện ủy X không kèm theo danh sách 55 trường hợp vi phạm công trình thủy lợi mà chỉ kèm theo danh sách 27 trường hợp tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp và 19 trường hợp lấn đất công. Còn danh sách 55 trường hợp vi phạm công trình thủy lợi đã được thể hiện trong Bảng tổng hợp các trường hợp vi phạm trong sử dụng đất không đúng quy định hiện nay còn tồn tại trên địa bàn ban hành kèm theo Báo cáo số 23/BC-UBND ngày 25/4/2016 của UBND xã T gửi UBND huyện X tại danh sách Các trường hợp công trình vi phạm lĩnh vực thủy lợi thời điểm trước năm 2014 của Bảng tổng hợp có hộ ông Đỗ Văn Đ. Như vậy, ông Đỗ Văn Đ cho rằng UBND xã T lợi dụng Thông báo số 105/TB/HU ngày 06/5/2016 của huyện ủy X để xác định gia đình ông vi phạm trật tự xây dựng trên lòng mương là không có căn cứ.

- Kết luận số 27/KL-UBKTTU ngày 20/01/2017 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy Hà Nội đã xác định 55 công trình xây dựng không phép nên đã chỉ đạo UBND huyện X xử lý triệt để các trường hợp vi phạm về quản lý đất đai, trật tự xây dựng, hoàn thành trước ngày 01/7/2017.

Thực hiện kết luận trên, UBND xã T đã lập Báo cáo số 09/BC-UBND ngày 07/3/2017 tổng hợp kết quả xử lý vi phạm đất đai trên địa bàn xã theo Thông báo số 105, UBND huyện X lập Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 21/3/2017 đề ra giải pháp và tổ chức thực hiện, trong đó có 52 trường hợp vi phạm trên lòng mương đường trục liên xã T - L tại danh sách kèm theo Biểu 03 có công trình của ông Đỗ Văn Đ.

- Quyết định số 1883/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND huyện X thành lập tổ công tác hướng dẫn xã T lập hồ sơ xử lý các trường hợp vi phạm tại lòng mương thủy lợi trục đường liên xã T - L, đề xuất UBND huyện phương án xử lý.

- Thông báo số 83/TB-UBND ngày 12/4/2017 của UBND huyện X thông báo kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện về việc xử lý các trường hợp vi phạm mương thủy lợi, trong đó: Giao Đội thanh tra xây dựng huyện và UBND xã T hoàn thiện hồ sơ xử lý các trường hợp vi phạm mương thủy lợi theo trục đường L - T qua địa bàn xã T.

Như vậy, việc ông Trần Văn T1 đại diện cho các hộ dân trong đó có ông Đỗ Văn Đ đề nghị *“Nếu Nhà nước không nhất thiết phải giải tỏa khu vực chợ phía lòng mương (vì nó không ảnh hưởng gì và đã tồn tại hàng vài chục năm nay) thì đề nghị UBND xã T, UBND huyện X dừng việc yêu cầu các hộ dân đang sinh sống, buôn bán ở đây tháo dỡ các công trình xây dựng”* là không có căn cứ. Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã T đề nghị ông Trần Văn T1 đại diện cho các hộ dân trong đó có ông Đỗ Văn Đ chấp hành sự chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện, Đảng ủy, UBND xã là đúng.

[2.1.3] Năm 2009, mặt đường T - L được nâng cấp mở rộng nền đường về phía mương thủy lợi là 3m theo Quyết định duyệt dự án đầu tư số 3320/QĐ-

UBND ngày 20/10/2009 của UBND huyện X. Các hộ nằm trong phạm vi mở rộng đường tự tháo dỡ, còn các công trình ngoài chỉ giới mở rộng đường nhưng nằm trên lòng mương thủy lợi thì các hộ không tháo dỡ, vẫn tồn tại cho đến nay. Ông Đỗ Văn Đ xây dựng công trình trên mương như hiện nay là vi phạm hành lang bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi bị nghiêm cấm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Đất đai 2013, khoản 3 Điều 12 Luật Xây dựng 2014, Điều 28 Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi năm 2001.

Theo quy định tại Điều 1 Nghị định 112-HĐBT ngày 25/8/1984 của Hội đồng Bộ trưởng sau là Điều 7 Pháp lệnh về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi năm 2001 thì mọi tổ chức và cá nhân được hưởng lợi do sử dụng công trình thủy lợi, dịch vụ thủy lợi đều có trách nhiệm nộp tiền. Do đó việc UBND xã T thu lệ phí lòng sông đường trục của các hộ gia đình, cá nhân có công trình trên mương là không trái quy định của pháp luật.

Theo khoản 12, khoản 14 Điều 3 và điểm c khoản 1 Điều 83 Luật Đất đai 2013, việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất, hỗ trợ cho người có đất thu hồi và hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân. Ông Đỗ Văn Đ không thuộc trường hợp bị Nhà nước thu hồi đất mà thuộc trường hợp bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả khôi phục lại tình trạng ban đầu theo quy định tại Nghị định 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều; phòng, chống lụt, bão nên không được bồi thường, hỗ trợ tái định cư. UBND xã T trả lời các hộ dân trong đó có ông Đỗ Văn Đ không thuộc diện đền bù giải phóng mặt bằng là đúng theo quy định của pháp luật.

[2.1.4] UBND xã T xác định nguồn ngân sách không đảm bảo hỗ trợ cho các hộ dân trong đó có ông Đỗ Văn Đ nên sẽ tiếp thu ý kiến đề nghị của ông Đỗ Văn Đ *“nếu bắt buộc phải giải tỏa thì yêu cầu nhà nước phải có chính sách hỗ trợ”* lên cấp trên xem xét là đúng.

[2.1.5] UBND xã T đã quy hoạch xây dựng chợ Trung tâm tại khu CS thuộc thôn V và đang kêu gọi đầu tư kinh phí xây dựng chợ theo tiêu chuẩn nông thôn mới; đồng thời UBND xã cũng đã lập quy hoạch đề nghị UBND huyện đấu giá quyền sử dụng đất ở một số khu vực, nên các hộ có nhu cầu thì đăng ký. Như vậy, UBND xã đã thông báo cho ông Đỗ Văn Đ biết địa điểm quy hoạch chợ và đấu giá quyền sử dụng đất ở để ông Đỗ Văn Đ đăng ký là bảo đảm bố trí nơi sinh sống, kinh doanh cho gia đình ông Đỗ Văn Đ.

[2.2] Xét Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch UBND xã T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu:

Căn cứ Đơn khiếu nại ngày 15/6/2017 của ông Trần Văn T1 đại diện cho các hộ dân có công trình trên mương và khoản 5 Điều 8 Luật Khiếu nại 2001

xác định Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 8/7/2017 của Chủ tịch UBND xã T là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của ông Trần Văn T1 đại diện cho các hộ dân có công trình trên nương khu C xã T trong đó có ông Đỗ Văn Đ.

Ngày 15/6/2017, UBND xã T nhận được đơn khiếu nại là trong thời hiệu khiếu nại quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại 2011. Ngày 16/6/2017, UBND xã T có Thông báo số 109/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng quy định tại Điều 27 Luật Khiếu nại 2011. Trong thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại 2011, Chủ tịch UBND xã T đã tổ chức buổi làm việc ngày 17/6/2017 với ông Trần Văn T1 để chốt nội dung đơn, ban hành Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 về việc xác minh nội dung đơn khiếu nại và thành lập tổ công tác xác minh nội dung đơn khiếu nại; từ ngày 24/6/2017 đến ngày 30/6/2017, Tổ xác minh xã T tiến hành thu thập tài liệu, xác minh nội dung đơn khiếu nại trong đó có lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 70/BB-VPHC ngày 20/6/2017; tổ xác minh lập Báo cáo số 02/BC-TXM ngày 31/6/2017 về kết quả xác minh nội dung khiếu nại là đã thực hiện việc xác minh khiếu nại đúng theo quy định tại Điều 29 Luật Khiếu nại 2011.

Theo quy định tại Điều 30 Luật Khiếu nại 2011, Điều 21 Thông tư 07/2013/TT-TTCT được sửa đổi bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Tổng Thanh tra Chính phủ, việc tổ chức đối thoại được thực hiện trong trường hợp yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau. Chủ tịch UBND xã T nhận thấy yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại không khác nhau nên không tổ chức đối thoại khi giải quyết khiếu nại lần đầu là không vi phạm pháp luật.

Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 có đầy đủ các nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại 2011, điểm a khoản 1 Điều 22 Thông tư 07/2013/TT-TTCT; đúng thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại 2011; đúng thẩm quyền quy định tại Điều 17 Luật Khiếu nại 2011.

Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch UBND xã T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đã giữ nguyên nội dung Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã T là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Xét Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại lần 2:

Căn cứ Đơn khiếu nại ngày 25/7/2017 của ông Trần Văn T1 đại diện cho các hộ có công trình trên nương và khoản 5 Điều 8 Luật khiếu nại 2011 xác định Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện X là quyết định giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại của ông Trần Văn

T1 đại diện cho các hộ có công trình trên nương, trong đó có ông Đỗ Văn Đ. Ngày 07/11/2017, Thanh tra huyện X nhận được đơn khiếu nại của ông Trần Văn T1 đại diện cho các hộ có công trình trên nương trong đó có ông Đỗ Văn Đ đối với Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch UBND xã T là trong thời hiệu khiếu nại quy định tại Điều 33 Luật Khiếu nại 2011.

Trong thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại 2011, Chủ tịch UBND huyện X đã thực hiện việc xác minh khiếu nại và tổ chức đối thoại đúng theo quy định tại Điều 38, Điều 39 Luật Khiếu nại 2011. Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện X có đầy đủ các nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại lần hai quy định tại Điều 40 Luật Khiếu nại 2011, điểm a khoản 1 Điều 22 Thông tư 07/2013/TT-TTCP; đúng thẩm quyền quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại 2011.

Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại lần hai đã giữ nguyên Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch UBND xã T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Xét Quyết định số 1913/QĐ-KPHQ ngày 13/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện X về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Năm 2016, UBND xã T đã lập biên bản vi phạm hành chính nhưng sau đó đã ra Thông báo số 113/TB-UBND ngày 19/6/2017 hủy bỏ các Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đối với các hộ vi phạm xây dựng công trình trên nương thủy lợi trục đường liên xã L - T được lập từ ngày 13/8/2016 đến ngày 19/9/2016 trong đó có ông Đỗ Văn Đ do thể thức và nội dung chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật là đúng thẩm quyền nên các biên bản vi phạm hành chính này không có giá trị pháp lý.

Ngày 20/6/2017, UBND xã T lập lại Biên bản vi phạm hành chính số 70/BB-VPHC khi Nghị định 139/2013/NĐ-CP ngày 20/3/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều; phòng, chống lụt, bão đang còn hiệu lực nên xác định ông Đỗ Văn Đ đã có hành vi xây dựng nhà ở trên nương là hành vi xây dựng trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, vi phạm quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định 139/2013/NĐ-CP ngày 20/3/2013 là đúng. Biên bản này được lập đầy đủ nội dung quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 và Điều 6 Nghị định 81/2013/NĐ-CP.

Do hành vi vi phạm của ông Đỗ Văn Đ đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 28 và Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 nên Chủ tịch UBND huyện X không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và giao quyền cho Phó Chủ tịch ký quyết định là đúng quy định tại

điểm a, b khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 65, điểm d khoản 2 Điều 38, khoản 3 Điều 52, Điều 54 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012; điểm b khoản 5 Điều 17, khoản 2 Điều 26 Nghị định 104/2017/NĐ-CP. Ông Đỗ Văn Đ không nhận Quyết định này nên UBND xã đã niêm yết công khai tại vị trí công trình vi phạm, nhà văn hóa thôn và trụ sở UBND xã.

Ngày 13/8/2018, khi quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1913/QĐ-KPHQ được ban hành thì Nghị định 139/2013/NĐ-CP ngày 20/3/2013 hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Nghị định 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 nên Quyết định số 1913/QĐ-KPHQ ngày 13/8/2018 được ban hành căn cứ vào Nghị định 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 là đúng. Trước khi ban hành quyết định số 1913/QĐ-KPHQ, UBND huyện X có lập Biên bản ngày 17/4/2018 về việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đúng theo quy định tại Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012.

Biên bản vi phạm hành chính số 49/BB-VPHC ngày 20/6/2017 và Quyết định số 1913/QĐ-KPHQ ngày 13/8/2018 được ban hành đúng mẫu, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017. Như vậy, Quyết định số 1913/QĐ-KPHQ ngày 13/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện X được ban hành đúng quy định của pháp luật.

Quyết định số 1913/QĐ-KPHQ ngày 13/8/2018 xác định ông Đỗ Văn Đ vi phạm điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định 139/2013/NĐ-CP ngày 20/3/2013 nay là điểm b khoản 5 Điều 17 Nghị định 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều là đúng.

Từ những phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn Đ, cũng như ý kiến đề nghị hủy bản án sơ thẩm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Đ.

[3] Về án phí: Ông Đỗ Văn Đ kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Do ông Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện là ông Đỗ Văn Đ; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 88/2020/HCST ngày 30 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H1;

2. Về án phí: Ông Đỗ Văn Đ không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

**\* Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố H1;
- VKSND thành phố H1;
- Cục THADS thành phố H1;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thu Hà**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Duy Nhiệm**

**Bùi Xuân Trọng**

**Vũ Thị Thu Hà**